

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Cơ sở Xí nghiệp cơ khí chế biến Lộc Hiệp dây chuyền chế biến mù tạt, công suất 5.000 tấn/năm tại thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 729/CSLN-QLKT ngày 17 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 154/TTr-STNMT ngày 26 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh (sau đây gọi là Chủ cơ sở; địa chỉ: Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Xí nghiệp cơ khí chế biến Lộc Hiệp dây chuyền chế biến mù tạt, công suất 5.000 tấn/năm tại thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Cơ sở) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Xí nghiệp cơ khí chế biến Lộc Hiệp dây chuyền chế biến mù tạt, công suất 5.000 tấn/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 3800100270 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 6 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 18 tháng 10 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3800100270.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến mủ cao su.

Quy trình công nghệ chế biến: Mủ nước → Hệ thống đánh đông → Cửa lạng – tạo tờ → Cán tờ → Cắt thành tờ → Xông sấy → Phân loại, cân, đóng gói.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí môi trường như dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước .

- Tổng diện tích Cơ sở: Khoảng 42.858,7 m².

- Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng mục công trình của Cơ sở:

+ Hạng mục công trình chính: Khu vực đánh đông; nhà xưởng mủ tờ 1, 2; dây lò xông mủ tờ (06 lò, 04 lò, 02 lò); xưởng cơ khí 1, 2; kho thành phẩm; khu chứa sào phơi có tổng diện tích 8.619 m².

+ Hạng mục công trình phụ trợ: Nhà bảo vệ; văn phòng 1, 2; nhà y tế; kho chứa pallet 1, 2; góc văn hoá công đoàn; kho vật tư 1, 2;... có tổng diện tích 4.850 m².

+ Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải; cụm bể xử lý nước; kho chứa chất thải rắn thông thường; kho chứa chất thải nguy hại; kho hoá chất 1, 2, 3; nhà chứa bùn có tổng diện tích 1.739 m².

+ Cây xanh có diện tích 16.500 m²; đường nội bộ có diện tích 11.138,7 m².

- Công suất: 5.000 tấn mủ tờ/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 03 tháng 7 năm 2024 đến ngày 03 tháng 7 năm 2034).

Điều 4. Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2009, Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2017, Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 56/GP-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước và các giấy phép môi trường thành phần khác hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến việc cấp phép cho Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở nêu trên.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lộc Ninh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh;
- Lưu: VT_(BH-15-GPMT-01/7).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~48~~./GPMT-UBND
ngày ~~03~~ tháng ~~7~~ năm 2024 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt, lưu lượng nước thải tối đa là 1,35 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải trong quá trình chế biến mủ, lưu lượng nước thải tối đa là 144 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình vệ sinh hệ thống cấp nước, lưu lượng nước thải tối đa là 1,5 m³/lần vệ sinh.
- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình rửa xe, lưu lượng tối đa là 02 m³/ngày.đêm

Nguồn số 01, 02, 03 và nguồn số 04 nhập chung vào, cùng xả ra 01 điểm xả.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Ông Kỳ thuộc thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, tỉnh Bình Phước.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1310016, Y = 537089 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m³/ngày.đêm (khoảng 6,25 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được dẫn bằng công hộp ngầm bê tông cốt thép kích thước: dài x rộng = 0,5 m x 0,5 m, dài khoảng 20 m (đi ngầm qua đường nhựa hiện hữu giáp ranh hàng rào phía Tây Bắc của Cơ sở) thoát ra suối Ông Kỳ theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày.đêm, 09 tháng/năm (từ đầu tháng 5 đến hết tháng 01 năm sau).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và cột A QCVN 01-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	--	6 -9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	49,5
3	COD	mg/l	99
4	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/l	14,85
5	BOD_5 (20°C)	mg/l	29,7
6	Tổng nitơ (tổng N)	mg/l	49,5

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên Cơ sở được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn bằng ống PVC Ø90 mm, sau đó theo đường ống ngầm PVC Ø114 mm, chiều dài khoảng 100 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở để xử lý. Chủ cơ sở đã xây dựng 02 bể tự hoại 03 ngăn, mỗi bể có thể tích 10 m³.

- Nước thải xả cặn và rửa lọc của hệ thống cấp nước được chứa trong bồn inox có dung tích 2 m³, sau đó bơm hút vào xe chở bồn mang về hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở để xử lý.

- Nước thải từ quá trình rửa xe: Nước thải từ khu vực rửa xe được thu gom bằng mương hở xi măng dọc theo khu vực rửa xe với kích thước: chiều rộng 0,2 m, chiều sâu 0,2 m, mương dài khoảng 30 m dẫn vào hố ga bê tông cốt thép có kích thước: rộng x dài x sâu = 0,8 m x 0,8 m x 0,8 m sau đó nước thải được dẫn bằng đường ống PVC Ø200 mm, dài khoảng 300 m đưa về bể tách mỡ 1.

- Nước thải chế biến mỡ: Nước thải từ công đoạn đánh đông, cán tờ và nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị được thu gom bằng hệ thống mương hở kích thước: rộng 0,8 m, sâu 0,5 m, dài khoảng 250 m. Nước thải được thu gom vào các hố ga, kích thước: dài 1,2 m, rộng 1,2 m, sâu 1 m bao quanh các khu vực sản xuất rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở để xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở được thu gom về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 150 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tách mỡ 1 → Bể tách mỡ 2 → Cụm bể phản ứng 1 → Cụm tuyển nổi siêu nông DAF → Bể phân phối (trường hợp lượng nước thải đầu vào quá ít, dẫn nước thải qua bể UASB sau đó tuần hoàn trở lại bể phân phối để duy trì vận tốc nước dâng trong bể đảm bảo các dòng nước cấp vào liên tục). Cụ thể như sau:

+ Dòng 1 (trường hợp lượng nước thải quá ít) → Bể UASB → quay lại bể phân phối.

+ Dòng 2 (lượng nước thải ổn định) → Bể anoxic.

Nước thải từ bể anoxic → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Cúm bể phản ứng 2 → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Thải ra suối Ông Kỳ.

Nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 01-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên ($k_q = 0,9$, $k_r = 1,1$) trước khi xả ra suối Ông Kỳ (Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh phải thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc dẫn, đấu nối đường ống xả thải của Cơ sở đi qua phần đất của các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có) về điểm xả đảm bảo đúng quy định).

- Công suất thiết kế hệ thống: 150 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: PAC, polymer anion, polymer cation, vôi, chlorine, chế phẩm vi sinh Emina, mật mía.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên làm sạch đường ống, kiểm tra mực nước trong các bồn, bể chứa, thường xuyên kiểm tra, bảo trì các đường ống dẫn và các thiết bị, máy móc.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi có sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra suối Ông Kỳ.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải (hóa chất sử dụng, điện năng tiêu thụ, sự cố,...).

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Triển khai kịp thời các biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động xả nước thải gây ra và báo cáo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng của địa phương để hỗ trợ phối hợp cùng giải quyết.

3.5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình hoạt động, Chủ

cơ sở phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Cơ sở gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Cơ sở để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48./GPMT-UBND
ngày 04 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy móc của quá trình sản xuất mủ cao su.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X: 1309994; Y: 537286.
- Nguồn số 02: Tọa độ X: 1310010; Y: 537131.
- Nguồn số 03: Tọa độ X: 1309984; Y: 537165.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	--	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	--	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Bố trí máy móc, thiết bị sản xuất hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động trong cùng một khu vực. Kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị.

Lắp đặt các đệm bằng cao su tại các chân máy nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tại nơi phát sinh có độ ồn cao.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ).

2.3. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48./GPMT-UBND
ngày 03 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/năm)
1	Nước thải lẫn dầu hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	15 02 12	50
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	30
3	Xăng dầu thải	Lỏng	17 06 02	60
4	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Lỏng	17 08 03	60
5	Bao bì mềm thải (bao nilon dính dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	18 01 01	50
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn (Thùng phuy chứa dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	18 01 02	200
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa (Thùng can nhựa dính dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	18 01 03	1.020
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (Bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	40
9	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	30
Tổng khối lượng				1.540

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Tro từ củi đốt	153.965
2	Vụn cao su	1.350
3	Giấy, chai nhựa, thùng carton	100
4	Pallet gỗ hỏng	500
5	Bao thảm PE, giấy gói thải không dính chất thải nguy hại (bị rách, hư hỏng)	1.000
6	Bao thảm PE thải không dính chất thải nguy hại còn tái sử dụng được	3.400

7	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	3.000
Tổng		163.315

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	2.700
Tổng khối lượng		2.700

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được chứa trong các thùng nhựa, bao bì.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông, tường gạch, mái lợp tôn. Bên ngoài dán biển cảnh báo theo quy định, bên trong bố trí các thùng chứa chất thải có dán nhãn bên ngoài, trong kho xây 08 ô bê tông kích thước 1 m x 1m. Có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn đổ theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng nhựa, bao tải để lưu chứa chất thải rắn thông thường.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho 65 m².

- Thiết kế, cấu tạo kho: Nền xi măng, tường gạch, cửa sắt.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng nhựa HDPE (loại 60 lít).

2.3.2. Kho lưu chứa: Không có kho lưu chứa riêng chất thải rắn sinh hoạt. Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông

thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

1. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 48./GPMT-UBND
ngày 03 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh)

Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Đối với mùi hôi từ hoạt động sản xuất và hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

- Khu vực xông mũ tời: Thực hiện điều chỉnh chế độ đốt, lắp đặt quạt cấp khí có biến tăng để xác định lượng gió cần cung cấp cho lò xông; vệ sinh khu vực buồng xông, thu gom tro đốt, không sử dụng củi ẩm ướt để hạn chế gây ô nhiễm; trồng cây xanh nhiều gần khu vực lò xông hạn chế khói bụi phát tán.

- Khu vực sản xuất: Trang bị khẩu trang cho công nhân, phun chế phẩm khử mùi. Bố trí nhà xưởng thông thoáng, cao và có hệ thống quạt thông gió và quạt công nghiệp tại khu vực xông sấy. Thường xuyên vệ sinh mương dẫn nước thải, mương chứa mũ đông và máy móc thiết bị nhằm giảm sự phân hủy kỵ khí các chất có trong mũ cao su còn tồn đọng lại. Đối với phương tiện vận chuyển nguyên liệu vào Cơ sở được vệ sinh sạch hàng ngày, không để lâu, phát sinh mùi hôi. Vệ sinh nhà xưởng sạch sẽ, không để nước tù đọng gây ô nhiễm mùi, định kỳ nạo vét cống rãnh trong toàn bộ khuôn viên Cơ sở. Tối ưu hóa tỷ lệ giữa nguyên liệu mũ và hóa chất đưa vào nhằm tránh tình trạng dư thừa amoniac làm gia tăng mùi hôi trong không khí.

- Khu vực hệ thống xử lý nước thải: Trồng dây cây xanh, thảm cỏ cách ly xung quanh hệ thống xử lý nước thải. Tuyến thoát nước thải được trang bị ống kín bằng PVC hoặc thép không gỉ không để rò rỉ chảy ra ngoài. Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng tại khu vực cách xa xưởng chế biến, khu làm việc văn phòng và đặt cuối hướng gió nhằm giảm sự phát tán mùi hôi ra môi trường làm việc. Vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải. Sử dụng chế phẩm vi sinh Emina nhằm hạn chế mùi hôi.

4. Áp dụng các biện pháp quản lý, các biện pháp kỹ thuật kiểm soát triệt để, không phát tán khí thải, mùi hôi, đảm bảo chất lượng môi trường không khí bên trong Cơ sở và xung quanh Cơ sở luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

5. Trong quá trình vận hành lò xông mũ tời, Chủ cơ sở phải đảm bảo hơi thải từ lò xông đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_v = 1$, $k_p = 1,0$).

6. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn hóa chất, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

8. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của Cơ sở.

9. Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở phải nghiêm chỉnh vận hành hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Cơ sở gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Cơ sở để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

